

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2023
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN - TP.CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Minh Khương
- Bà Phạm Thị Bích Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc, thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1965

Nơi cư trú: khu vực H, phường C, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1966

Nơi cư trú: khu vực H, phường C, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T** trình bày: Bà và ông **Nguyễn Ngọc T** tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào năm 1998. Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên **Nguyễn Ngọc T** (nam), sinh ngày 30/12/1987 và **Nguyễn Ngọc Minh T** (nữ) sinh ngày 24/11/1992. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không

có tiếng nói chung. Bà Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Tr trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T* : tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về ly hôn giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã có thời gian hàn gắn nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa Bà Tr và ông T đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr.

[4] *Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T*, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần mà ông T vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa, chứng tỏ ông không còn thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm gia đình nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] *Về con chung*: bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T (nam), sinh ngày 30/12/1987 và Nguyễn Ngọc Minh T (nữ) sinh ngày 24/11/1992, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] *Về tài sản chung*: Bà Tr và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[7] *Về nợ chung*: Bà Tr trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng do xét xử vắng mặt ông T nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Nguyễn Ngọc T (nam), sinh ngày 30/12/1987 và Nguyễn Ngọc Minh T (nữ) sinh ngày 24/11/1992, hiện đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Tr và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Tr trình bày là không có nhưng do xét xử vắng mặt ông T nên không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003900 ngày 09/3/2023 thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND Q. Ô Môn;
- Thi hành án Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ;

Đặng Nguyễn Khánh Xuân